

Số: 1704999

|                                            | Sorento Hybrid 1.6L Premium                           | Kia Sorento - 2.5G Signature (7 chỗ) Nội thất đen |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| Giá niêm yết:                              | 1.149.000.000đ                                        | 1.124.000.000đ                                    |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                   |                                                       |                                                   |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4810 x 1900 x 1700                                    |                                                   |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                                                  |                                                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                                                  |                                                   |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                                                   |                                                   |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1950                                                  |                                                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2580                                                  |                                                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                                                   |                                                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                                                    |                                                   |
| Số chỗ ngồi                                | 7                                                     |                                                   |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                      |                                                   |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                      |                                                       |                                                   |
| Loại động cơ                               | Xăng 1.6T + Motor điện                                |                                                   |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1598                                                  |                                                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 178hp(ĐC Xăng) + 60hp(Motor điện),<br>227hp(kết hợp)  |                                                   |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 265Nm(ĐC Xăng) + 264Nm(Motor điện),<br>350Nm(kết hợp) |                                                   |
| Hộp số                                     | 6AT                                                   |                                                   |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                                       |                                                   |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                                             |                                                   |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                      |                                                   |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                                   |                                                   |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                                   |                                                   |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                                            |                                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 5.9                                                   |                                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.8                                                   |                                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.9                                                   |                                                   |
| Chế độ lái                                 | Eco/Sport/Smart                                       |                                                   |
| NGOẠI THẤT:                                |                                                       |                                                   |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                         |                                                   |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                                                     |                                                   |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                     |                                                   |
| Đèn sương mù                               | LED                                                   |                                                   |
| Cụm đèn sau                                | LED                                                   |                                                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                     |                                                   |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                     |                                                   |
| Cửa sổ trời                                | ●                                                     |                                                   |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                      |                                                       |                                                   |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                                     |                                                   |
| Chất liệu ghế                              | Da                                                    |                                                   |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                                     |                                                   |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                                     |                                                   |

|                                    |            |
|------------------------------------|------------|
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●          |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | 12.3"      |
| Màn hình giải trí trung tâm        | AVN 10.25" |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●          |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●          |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 2          |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●          |
| Chìa khóa thông minh               | ●          |
| Khởi động nút bấm                  | ●          |
| Khởi động từ xa                    | ●          |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 loa      |
| Lấy chuyển số                      | ●          |
| Sạc không dây Qi                   | ●          |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●          |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●          |
| Đèn trang trí nội thất             | ●          |
| Rèm che nắng                       | ●          |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | -          |

#### **AN TOÀN:**

|                                                 |                           |
|-------------------------------------------------|---------------------------|
| Số túi khí                                      | 6                         |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                         |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                         |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                         |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                         |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                         |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                         |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau               |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                         |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                         |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●                         |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●                         |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●                         |
| Camera lùi                                      | Camera 360                |